

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của dự án Đầu tư xây dựng cửa khẩu chính Lóng Sập tỉnh Sơn La
thành cửa khẩu Quốc tế**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo Công văn số 5797/UBND-KT ngày 13/12/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM của dự án “Đầu tư xây dựng Cửa khẩu chính Lóng Sập tỉnh Sơn La thành cửa khẩu Quốc tế”;

Xét Công văn số 5098/BCH-HCKT ngày 16/12/2024 của Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Sơn La về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư xây dựng Cửa khẩu chính Lóng Sập tỉnh Sơn La thành cửa khẩu Quốc tế”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 958/TTr-STNMT ngày 18/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Đầu tư xây dựng Cửa khẩu chính Lóng Sập tỉnh Sơn La thành cửa khẩu Quốc tế (sau đây gọi là Dự án) của Bộ chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh Sơn La (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La với những nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với các thông tin, số liệu trong phương án thiết kế của hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt; kết quả tính toán, tính chịu lực, an toàn của các hạng mục công trình, các nội dung khác trong hồ sơ thiết kế và có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 của Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện về quy trình trình phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh Sơn La; Chủ tịch UBND huyện Mộc Châu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- TT Tỉnh uỷ (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để công bố);
- Lưu: VT, HS - Hiệu 15 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Hậu

PHỤ LỤC**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CỬA KHẨU CHÍNH LÓNG SẬP TỈNH SƠN LA
THÀNH CỬA KHẨU QUỐC TẾ***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2024 của UBND tỉnh)***1. Thông tin về dự án****1.1. Thông tin chung**

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng Cửa khẩu chính Lóng Sập tỉnh Sơn La thành cửa khẩu Quốc tế.

- Địa điểm thực hiện: Xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Chủ dự án: Bộ Chỉ huy bộ đội Biên phòng tỉnh Sơn La.

- Địa chỉ liên hệ: Tổ 1, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất**1.2.1. Phạm vi**

- Dự án thuộc địa phận xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Toạ độ các điểm khép góc của dự án:

Toạ độ VN-2000, KTT 104°00', múi chiếu 3°					
KH	X(m)	Y(m)	KH	X(m)	Y(m)
1T	2292274,66	552045,99	1P	2292281,64	552049,04
5T	2292292,17	552006,46	5P	2292305,62	552007,47
9T	2292301,07	551959,00	9P	2292321,79	551963,1
13T	2292311,63	551877,92	12P	2292325,5	551930,81
17T	2292319,63	551805,73	16P	2292341,22	551880,66
22T	2292313,42	551772,8	20P	2292346,43	551835,77
27T	2292311,86	551720,73	24P	2292342,02	551799,59
31T	2292317,89	551652,04	28P	2292351,43	551760,56
36T	2292348,73	551603,86	32P	2292339,5	551735,45
41T	2292366,33	551628,49	35P	2292345,98	551716,88
45T	2292340,7	551658,07	38P	2292365,98	551709,56
50T	2292383,1	551693,7	40P	2292378,51	551712,82
54T	2292415,79	551698,66	44P	2292412,42	551721,94
59T	2292469,2	551715,31	47P	2292439,84	551749,41
64T	2292521,9	551676,05	51P	2292467,9	551782,92
69T	2292595,11	551672,11	54P	2292501,97	551786,59

74T	2292623,01	551627,55	57P	2292528,7	551774,72
79T	2292614,65	551595,8	60P	2292578,69	551727,98
84T	2292617,84	551540,06	71P	2292673,8	551602,2
89T	2292568,5	551506,81	75P	2292658,08	551553,79
94T	2292544,46	551443,36	79P	2292637,66	551509,55
99T	2292485,16	551460,33	83P	2292635,45	551455,6
104T	2292495,75	551435,9	87P	2292631,92	551443,41
109T	2292519,24	551396,62	91P	2292676,64	551401,85
114T	2292495,75	551295,66	95P	2292691,65	551324,25
119T	2292491,61	551263,18	99P	2292669,86	551240,53
122T	2292485,96	551223,93	103P	2292629,21	551213,33

1.2.2. Quy mô, công suất

- Dự án có tổng diện tích đất 7,87 ha, với quy mô thiết kế xây dựng được HĐND tỉnh Sơn La phê duyệt tại Nghị quyết số 2336/HĐND ngày 29/3/2016 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cửa khẩu Lóng Sập huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La và Nghị quyết số 349/NQ-HĐND ngày 12/7/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng Cửa khẩu chính Lóng Sập, tỉnh Sơn La thành cửa khẩu quốc tế.

- Quy mô dự án bao gồm các hạng mục

+ San nền các lô đất trong đồ án quy hoạch: Quốc môn kết hợp Trạm kiểm soát liên hợp; Trạm kiểm tra cân, soi; Trạm kiểm dịch; Bãi kiểm hóa, kiểm dịch; Kho ngoại quan; Bãi sơ chế; Bãi hạ tải; Bến xe xuất cảnh; Bến xe nhập cảnh; Bãi xe xuất khẩu; Trạm biên phòng cửa khẩu; Trạm hải quan; Trạm y tế; Cây xanh và hạ tầng kỹ thuật.

+ Xây dựng hệ thống đường giao thông theo tiêu chuẩn đường đô thị TCVN 13592:2022 đường đô thị - yêu cầu thiết kế với quy mô chính như sau: Chiều dài tuyến đường theo quy hoạch khoảng 1,1 km (*điểm đầu, điểm cuối đảm bảo kết nối với đường QL43 hiện trạng*); Tốc độ thiết kế $V_{tk} = 30$ km/h; Chiều rộng nền đường $B_n = 15,5$ m; Chiều rộng mặt đường $B_m = 11,5$ m (*đoạn từ nút giao Quốc môn về hướng Mộc Châu*), $B_m = 14$ m (*đoạn từ nút giao Quốc môn hướng về mốc 255*); chiều rộng hè phố $B_h = 2$ m (*đoạn từ nút giao Quốc môn về hướng Mộc Châu*), $B_h = 0,75$ m (*đoạn từ nút giao Quốc môn hướng về mốc 255*).

+ Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật (*bao gồm: hệ phố, thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước, cấp điện, kè chắn đất và ốp mái...*).

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình chính của dự án đầu tư gồm: San nền, đường giao thông, hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

- Hoạt động của dự án đầu tư

+ Hoạt động san ủi giải phóng mặt bằng, thu dọn các hạng mục công trình trong phạm vi khu vực thực hiện dự án và vị trí đổ thải của dự án.

+ Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình; vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp và đất đá thải đến vị trí đổ thải của dự án.

+ Sinh hoạt của công nhân, cán bộ kỹ thuật.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Trong phạm vi thực hiện dự án có 0,995 ha đất hiện trạng là rừng tự nhiên.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công

- Việc chiếm dụng đất: Dự án chiếm dụng 7,87 ha ($78.700 m^2$) đất, trong đó: đất hiện trạng có rừng 0,995 ha ($9.995 m^2$); đất trồng cây hàng năm $14.880 m^2$; đất trồng cây lâu năm $26.070 m^2$; đất công cộng $27.820 m^2$.

- Hoạt động giải phóng mặt bằng

Tác động do hoạt động chuẩn bị mặt bằng: Phát quang thực vật.

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thi công:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ các nguồn sau: Từ quá trình đào đắp trong quá trình san nền; từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng; vận chuyển đất đá đổ thải, quá trình bốc xúc nguyên vật liệu; bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động máy móc, thiết bị thi công xây dựng, xe vận chuyển nguyên vật liệu thi công; khí thải phát sinh từ quá trình sơn, hàn, từ hoạt động rải nhựa đường,...

+ Nước thải (*gồm nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn*) phát sinh từ các nguồn sau: Từ các hoạt động của công nhân trong thi công, từ quá trình phối trộn vật liệu, vệ sinh thiết bị, máy móc... và từ nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công xây dựng.

+ Chất thải rắn phát sinh từ các nguồn sau: Từ hoạt động phát quang thực vật, đất đá đổ thải; chất thải rắn xây dựng phát sinh do hoạt động thi công xây dựng dự án; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải nguy hại.

+ Tiếng ồn do hoạt động của các máy móc, thiết bị xây dựng (*máy đầm, máy ủi, máy xúc, ô tô vận tải...*) và tiếng ồn do hoạt động của các phương tiện thi công san gạt, vận chuyển nguyên vật liệu ra vào dự án và tiếng ồn do hoạt động nổ mìn phá đá.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Bụi, khí thải: Bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào dự án.

- Nước thải: Nước mưa chảy tràn.

- Chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công

3.1.1. Nước thải, khí thải

a) Nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của 50 công nhân, với lưu lượng 4 m³/ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (*BOD*₅, *COD*), các chất dinh dưỡng (*N*, *P*) và vi sinh vật.

- Nước thải thi công xây dựng: Phát sinh từ quá trình phối trộn vật liệu, vệ sinh thiết bị, máy móc... với lưu lượng khoảng 1,129 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu bao gồm chất rắn lơ lửng, *BOD*₅, *COD*, tổng dầu mỡ khoáng.

- Nước mưa chảy tràn: Phát sinh tại khu vực dự án là 679 m³/ngày và tại khu vực bãi thải là 285 m³/ngày. Thành phần chủ yếu bao gồm các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (*BOD*₅, *COD*), các chất dinh dưỡng (*N*, *P*) và dầu mỡ.

b) Bụi, khí thải

- Bụi phát sinh từ quá trình đào, đắp, san nền; nổ mìn phá đá, quá trình vận chuyển, bốc xúc nguyên vật liệu, đất đá đổ thải.

- Khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu; từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công xây dựng, từ hoạt động rải nhựa đường. Thông số ô nhiễm đặc trưng: CO, SO₂, NO₂, bụi, TSP, mùi nhựa đường,...

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân với lưu lượng khoảng 25 kg/ngày. Thành phần chất thải sinh hoạt chủ yếu là bao bì, hộp đựng đồ uống bằng nilon, nhựa, thủy tinh, vỏ hoa quả,...

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh cụ thể như sau:

+ Đất đá đổ thải của dự án: 106.500 m³;

+ Khối lượng sinh khối thực vật: 17,609 tấn;

+ Chất thải rắn xây dựng loại bỏ khác khoảng 234,7 tấn, bao gồm bao xi măng, sắt thép vụn, gạch vỡ, xi măng thải,....

b) Chất thải nguy hại (CTNH)

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của các máy phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công. Tổng hợp khối lượng chất thải nguy hại phát sinh như sau:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải nguy hại	Khối lượng phát sinh dự kiến
1	Giẻ lau dính dầu	180201	2÷3 kg/tháng
2	Vỏ can, bao bì thùng chứa	170204	2÷3 kg/tháng
3	Pin, bóng đèn, hộp mực ...	190601	0,2 kg/tháng
4	Thùng đựng bitum, rẻ dính bê tông		3 kg/tháng
	Tổng		7,2 - 9,2 kg/tháng

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn do hoạt động của các máy móc, thiết bị xây dựng (*máy đầm, máy ủi, máy xúc, ô tô vận tải...*) và tiếng ồn do hoạt động của các phương tiện thi công san gạt, vận chuyển nguyên vật liệu ra vào dự án và tiếng ồn do hoạt động nổ mìn phá đá.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động do thu hồi, chiếm dụng đất; tác động do di chuyển hệ thống điện; tác động do cản trở giao thông đường bộ; tác động làm thay đổi cảnh quan khu vực công trình; tác động đến kinh tế - xã hội.

- Tác động do sự cố như: Sự cố tai nạn lao động; sự cố cháy nổ; sự cố trượt sạt trong quá trình thi công và trượt sạt tại bãi thải.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

a) Nước thải: Nước mưa chảy tràn: Thành phần chủ yếu là đất, cát, cành lá cây, chất rắn lơ lửng,... Nước mưa chảy tràn làm gia tăng độ đục, TSS và một số thông số ô nhiễm khác có trong nước tại thủy vực tiếp nhận.

b) Bụi, khí thải: Khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông ra vào dự án có thông số ô nhiễm đặc trưng như bụi TSP, khí NO₂, SO₂, CO,...

3.2.2. Chất thải nguy hại: Phát sinh từ sự cố trong quá trình vận hành trạm biến áp.

3.2.3. Các tác động khác

- Tác động đến hoạt động giao thông khu vực; tác động tới kinh tế - xã hội.

- Các rủi ro sự cố trong quá trình hoạt động: Sự cố tai nạn giao thông; sự cố do quá trình vận hành trạm biến áp.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Nước thải sinh hoạt

- Lắp đặt 03 nhà vệ sinh di động (*kích thước mỗi nhà vệ sinh di 2.700 x 1.350 x 2.600 cm*), vật liệu là Modul nguyên khối, composite, có bể chứa chất thải là 2.000 lít, bể chứa dự trữ nước là 800 lít tại khu lán trại công nhân để thu gom lượng nước thải sinh hoạt phát sinh. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển và đem đi xử lý.

b) Nước thải xây dựng

- Nước thải không nhiễm bẩn dầu mỡ: Tại công trường bố trí 2-3 thùng phuy chứa nước dung tích 220 lít phục vụ rửa dụng cụ xây dựng, sau đó nước này được tận dụng dùng cho phối trộn vật liệu xây dựng hoặc đập bụi công trường.

- Nước thải chứa dầu mỡ: được thu gom vào hố lắng 02 ngăn (*kích thước 2,5×2×1m*). Nước chảy vào và được lắng cặn và thu lại váng dầu. Váng dầu mỡ được loại bỏ bằng các vật liệu hấp phụ thấm dầu (*vải thấm dầu*). Sau đó được thu gom và vận chuyển đến kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời của dự án. Lượng nước sau khi lắng cặn và vớt váng dầu được tận dụng để tưới mặt bằng không thải ra ngoài môi trường.

- Nước thải từ các hoạt động rửa bánh xe ra vào dự án: Toàn bộ nước thải từ hoạt động rửa bánh xe được đưa vào bể lắng (*kích thước 2,0×1,5×1m*) để lắng cặn đất cát và lọc dầu mỡ bằng cát trước khi xả ra hệ thống thoát nước chung. Quy trình xử lý: Nước thải từ hoạt động bánh rửa xe → bể lắng → tách dầu → nước rửa sau khi được lắng cặn được tận dụng phối trộn vật liệu xây dựng, tưới mặt bằng không thải ra ngoài môi trường.

c) Nước mưa chảy tràn

- Bố trí dọc theo thiết kế của tuyến đường thi công bao gồm các rãnh đào rộng 0,5m, sâu 0,5m.

- Ưu tiên thi công hệ thống mương thoát nước trước đảm bảo công tác tiêu thoát nước trong mùa mưa.

- Thường xuyên tổ chức nạo vét cống rãnh thoát nước.

- Tại khu vực bãi thải: Thiết kế rãnh đất hai bên bãi thải với kích thước 0,5×0,5×0,5m để đảm bảo thoát nước.

4.1.1.2. Bụi, khí thải

- Các ô tô vận tải phải thực hiện đúng các quy định giao thông chung: có bạt che phủ, không làm rơi vãi đất đá, vật liệu thải bỏ để hạn chế tối đa sự phát thải bụi ra môi trường, các xe vận tải không được chở quá tải trọng cho phép đối với từng loại xe và với tính chất cơ lý của nền đường.

- Không hoạt động vận chuyển và thi công vào giờ cao điểm về mật độ giao thông và giờ nghỉ ngơi của nhân dân khu vực.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị, đảm bảo luôn hoạt động ở trạng thái tốt nhất để hạn chế đến mức thấp nhất những ảnh hưởng đến môi trường.

- Lắp đặt biển báo giao thông trong và ngoài khu vực dự án.
- Bố trí 01 khu vực rửa lốp xe tại khu phụ trợ để làm sạch lốp xe và gầm xe tại khu vực này trước khi ra khỏi công trường.
- Tiến hành phun tưới ẩm tần suất 2-4 lần/ngày tại các khu vực thi công nhằm giảm lượng bụi phát tán trong không khí.

4.1.1.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.1.1.3.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Chất thải rắn sinh hoạt được phân làm 3 loại bao gồm: chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải rắn sinh hoạt khác. Bố trí 05 thùng chứa có nắp đậy dung tích 150 lít/thùng chia làm 3 ngăn đặt tại khu vực lán trại để thu gom chất thải rắn sinh hoạt và phân loại như sau:

- Chất thải rắn có khả năng, tái chế, tái sử dụng như vỏ chai, thủy tinh, kim loại, nilon, giấy... sẽ tận thu để tái sử dụng hoặc tái chế hoặc chuyển giao cho các đơn vị thu mua phế liệu trên địa bàn.

- Chất thải thực phẩm như rau, vỏ hoa quả và các thức ăn thừa... được thu gom tập trung trong các thùng chứa, tạo điều kiện cho công nhân hoặc các hộ dân gần khu vực dự án tận dụng làm phân bón hoặc thức ăn chăn nuôi.

- Các loại chất thải rắn vô cơ không sử dụng được vào các mục đích trên sẽ được đơn vị chức năng trên địa bàn thu gom, xử lý hợp vệ sinh.

b) Chất thải sinh khối thực vật phát sinh trong quá trình giải phóng mặt bằng ước tính 17,609 tấn được tận dụng làm chất đốt, phân bón, thức ăn chăn nuôi.

c) Chất thải rắn xây dựng gồm bao xi măng, sắt thép vụn phát sinh khoảng 234,7 tấn sẽ được bàn giao cho cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

d) Đất đá thải xây dựng của dự án phát sinh: 106.500 m³ (bao gồm đá cấp IV, đá cấp III, đất cấp 3, đất cấp 2) sẽ được đổ thải tại bãi thải thuộc Km17+900m, thuộc đất của 8 hộ dân bản Phiêng Cải, xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu. Cụ thể như sau:

STT	Vị trí đổ thải	Trữ lượng bãi thải	Khối lượng đổ thải
1	Bãi thải thuộc quyền sở hữu của 8 hộ dân: Hoàng Văn Toàn, Tráng Lóa Chư, Tráng A Tura, Tráng A Cải, Tráng Láo Phọng, Tráng Hả Đề, Tráng Láo Tú, Tráng Láo Thái	132.000 m ³	106.500 m ³

- Thiết kế bãi đổ thải

- + Thực hiện kê chân đắp bãi thải để ngăn sạt lở và đất đá bị nước mưa cuốn trôi; kết cấu kê bằng rọ đá kích thước rọ (2x1x1)m; chiều cao từ 3-4m. Xung quanh

bãi tập kết thiết kế đào rãnh thoát nước mưa với kích thước 50x50x50cm, chiều dài khoảng 100m.

- + Cam kết không làm thay đổi mục đích sử dụng đất sau khi đổ thải.
- Trình tự đổ thải
- + Khối lượng đổ thải được vận chuyển nội bộ bằng ô tô tự đổ 10 tấn, sau khi vận chuyển đến vị trí bãi thải, phương án đổ thải Đá cấp IV → Đá cấp III → đất cấp 3 → đất cấp 2 để đảm bảo việc canh tác nông nghiệp.
- + Đất đá đổ thải được đổ lần dần từ trong ra ngoài. Đổ theo từng lớp, các lớp được lu nén, gia cố nền và vách bãi thải.
- + San gạt tạo mặt bằng trong quá trình đổ thải, đảm bảo thoát nước mặt.
- + Sau khi kết thúc đổ thải phải đảm bảo đưa bãi thải về trạng thái an toàn như: làm mái đảm bảo có độ dốc ổn định tùy theo vật liệu thải, làm bờ bao quanh các bãi thải... Các biện pháp này là để chống rửa trôi vật liệu thải xuống khu vực xung quanh.
- + Hoàn nguyên vị trí bãi thải.
- + Giám sát bãi thải trong suốt quá trình thi công bao gồm: Lượng đất đá đổ thải, xe ra vào bãi đổ thải, giám sát các vấn đề liên quan đến sụt lún, sạt lở.
- + Các công việc cơ bản nêu trên phải được thực hiện thường xuyên trong suốt thời gian thi công công trình cho đến khi kết thúc giai đoạn thi công công trình.

4.1.1.3.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn nguy hại

- Bố trí 01 kho chứa CTNH diện tích 12m² bên ngoài kho có dẫn biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định. Kho đảm bảo che kín nắng mưa, nền không bị thấm thấu. Trong kho 05 thùng chuyên dụng lưu giữ dung tích 60 lít/thùng, trên các thùng có dán nhãn, mã số CTNH riêng biệt.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định với tần suất 1 lần/giai đoạn thi công hoặc theo thực tế phát sinh.

- Thực hiện quản lý CTNH theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.1.1.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng các phương tiện vận tải và thiết bị xây dựng với tiếng ồn thấp, độ ồn không quá 90dB.

- Bảo dưỡng thiết bị thi công trong điều kiện vận hành tốt nhất và ở mức ồn thấp nhất có thể.

- Không hoạt động vận chuyển và thi công vào giờ cao điểm về mật độ giao thông và giờ nghỉ ngơi của nhân dân khu vực.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 26: 2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.1.1.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.1.1.5.1. Biện pháp giảm thiểu tác động do thu hồi, chiếm dụng đất

- Phối hợp với UBND huyện Mộc Châu đề xuất phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ dân bị thu hồi đất theo đúng trình tự, quy định của nhà nước.

- Bố trí nguồn kinh phí thực hiện phương án trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định hiện hành.

4.1.1.5.2. Biện pháp giảm thiểu tác động từ việc di chuyển đường điện

- Phối hợp với Điện lực khu vực Mộc Châu – Vân Hồ khảo sát, thống nhất hướng tuyến, lập hồ sơ thiết kế di chuyển tuyến đường dây điện và các tài sản hiện có trên cột điện lực liên quan theo đúng các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành. Hồ sơ thiết kế và các văn bản pháp lý liên quan gửi về Công ty Điện lực Sơn La để thỏa thuận kỹ thuật trước khi triển khai các bước tiếp theo.

- Lập phương án đăng ký cắt điện với đơn vị quản lý vận hành lưới điện.

- Đảm bảo hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp theo quy định.

4.1.1.5.3. Các biện pháp giảm thiểu tác động do cản trở giao thông đường bộ

- Thông báo cho người dân kế hoạch triển khai thi công;

- Lập rào chắn, biển cảnh báo nguy hiểm xung quanh công trường;

- Quy định hạn chế tốc độ di chuyển của phương tiện vận chuyển;

- Cuối ngày thu dọn vật liệu xây dựng, đất đá rơi vãi;

- Che chắn các phương tiện di chuyển bằng bạt, hạn chế việc rơi vãi nguyên liệu trong quá trình vận chuyển.

- Cam kết hoàn trả kết cấu hạ tầng giao thông trong trường hợp làm hư hỏng kết cấu hạ tầng giao thông khu vực khi vận chuyển nguyên vật liệu, đồ thải của dự án.

4.1.1.5.4. Biện pháp giảm thiểu các tác động làm thay đổi cảnh quan khu vực công trình

- Lập phương án thu dọn các chất thải rơi vãi trên dọc tuyến đường vận chuyển, thi công;

- Tháo dỡ các nhà tạm, lán trại và các công trình phụ trợ, san lấp hố lũng, rãnh thoát nước;

- Sau khi đổ thải, đưa bãi thải về trạng thái an toàn.

4.1.1.5.5. Biện pháp giảm thiểu tới tác động xã hội

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý địa phương có liên quan thực hiện công tác quản lý công nhân lưu trú tại địa bàn;

- Phối hợp với đơn vị thi công trong việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động, mâu thuẫn giữa công nhân và dân địa phương;

- Phối hợp với Trung tâm y tế dự phòng tại địa phương có biện pháp phòng chống các loại bệnh dịch để có biện pháp xử lý kịp thời.

4.1.1.5.6. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a) Sự cố tai nạn lao động

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ, phòng hộ lao động trước khi vào công trường;
- Chủ đầu tư giám sát và yêu cầu nhà thầu thi công các công trình, hạng mục theo đúng thiết kế đã được phê duyệt;
- Kiểm tra các thông số kỹ thuật và điều kiện an toàn thiết bị trước khi sử dụng;
- Lập kế hoạch ứng phó sự cố khi xảy ra tai nạn.

b) Sự cố cháy nổ

- Quản lý vật tư, vật liệu xây dựng dễ cháy trong các nhà kho có mái che, hệ thống điện an toàn;
- Xây dựng và thực hiện nghiêm nội quy phòng cháy chữa cháy trên công trường;
- Trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy tại chỗ như bình CO₂, bơm nước, xe chở cát...

d) Sự cố trượt sạt trong quá trình thi công và trượt sạt tại bãi thải

- Tăng cường giám sát khu vực thi công trước và sau các đợt mưa lớn;
- Thực hiện gia cố cẩn thận trước khi thi công để tránh sạt trượt;
- Tại bãi thải
 - + Thực hiện đổ thải đúng trình tự, không đổ thải vượt dung tích chứa của bãi thải;
 - + Thiết kế rãnh đất thoát nước đảm bảo tiêu thoát nước, có kè chân đắp bãi thải để ngăn sạt lở và đất đá bị nước mưa cuốn trôi.
 - + Thiết kế mái ta luy phù hợp, đầm nén chặt đảm bảo tránh hiện tượng sạt trượt mái ta luy tại bãi thải.

4.2. Giai đoạn hoạt động

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải (*nước mưa chảy tràn*)

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa được xây dựng hoàn chỉnh trên mặt bằng dự án với độ dốc thiết kế tối thiểu đảm bảo tính tự chảy tốt, thoát nhanh và không gây ngập úng vào những ngày có cường độ mưa lớn. Nước mưa được thu gom vào các ga thu nước mưa, đổ vào các nhánh sau đó vào cống thoát nước chính.

- Định kỳ kiểm tra nạo vét, khơi thông cống, rãnh thoát nước mưa.

4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Trồng cây xanh trong khu vực dự án để giảm thiểu khả năng phát tán của bụi và tiếng ồn. Tăng cường trồng cây xanh và thảm cỏ để tạo cảnh quan thân thiện môi trường;

- Thường xuyên quét dọn, phun nước tưới ẩm mặt đường giảm thiểu lượng bụi phát sinh.

4.2.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

Việc phát sinh chất thải nguy hại từ trạm biến áp không xảy ra thường xuyên, chỉ xảy ra khi trạm biến áp có sự cố. Chủ dự án sẽ bố trí 01 bể chứa dầu sự cố. Khi phát sinh dầu thải từ trạm biến áp sẽ được thu gom trực tiếp về bể chứa dầu sự cố, sau đó hút lên xe bồn của đơn vị có chức năng và đem đi xử lý theo đúng quy định.

4.2.3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.2.2.4. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a) Phòng ngừa sự cố tràn dầu máy biến áp

- Thường xuyên kiểm tra mức dầu máy biến áp (*tối thiểu 3 tháng/lần*), nếu mức dầu xuống quá thấp phải kiểm tra hiện tượng rò rỉ dầu.

- Cẩn dầu cách nhiệt của trạm biến áp: Trong quá trình vận hành hành, theo định kỳ hàng năm, dầu máy biến áp được kiểm tra chất lượng. Nếu dầu không đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn quy định, đơn vị vận hành sẽ thu gom và ký hợp đồng chuyển giao CTNH với đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Giảm thiểu sự tai nạn giao thông

- Bố trí biển báo hiệu cần thiết để thông báo có các phương tiện khu vực xảy ra sự cố tại nạn giao thông;

- Thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước theo quy định để tổ chức hướng dẫn và giám sát các quá trình ứng phó sự cố khi xảy ra tai nạn giao thông.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn xây dựng

5.1.1. Giám sát chất thải

a) Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại, bao gồm:

- Số lượng phát sinh (*kg/tháng*), chủng loại, thành phần chất thải phát sinh.
- Cách thức thu gom, phân loại và lưu trữ chất thải.
- Cách thức xử lý chất thải (*thuê đơn vị có chức năng đem đi xử lý*).
- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

- Hoạt động giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại đảm bảo theo Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Giám sát đa dạng sinh học

- Mục đích: Giám sát thành phần loài sinh vật xuất hiện tại dự án
- Tần suất: Trong suốt thời gian thi công.

c) Giám sát lửa rừng

- Mục đích: phòng ngừa, ngăn chặn cháy rừng
- Tần suất: trong suốt thời gian thi công.

5.2. Giai đoạn vận hành

Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc môi trường định kỳ (*theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường*).

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện trách nhiệm sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án được phê duyệt theo quy định tại Điều 37 của Luật Bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, các nội dung của quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và báo cáo đánh giá tác động môi trường trong quá trình thi công, vận hành dự án.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực đất đai, lâm nghiệp, khoáng sản, đầu tư công và các quy định của pháp luật có liên quan khác trong quá trình thực hiện dự án.

- Tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải rắn xây dựng, chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại trong quá trình thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về lĩnh vực môi trường. Trường hợp phát sinh thêm những tác động chưa kịp thời rà soát, đánh giá, Chủ dự án phải lập phương án khắc phục, giảm thiểu tác động đồng thời báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Tài nguyên và Môi trường*) và chịu trách nhiệm bồi thường, hoàn trả và thống kê bồi thường thiệt hại theo đúng quy định của pháp luật.

- Cấm mốc giới khu vực thi công dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân về khu vực thực hiện dự án, tuyến đường vận chuyển và khu vực đổ thải (*về thời gian và địa bàn thi công*).

- Thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, giám sát môi trường và phòng ngừa các rủi ro, sự cố môi trường trong quá trình thực hiện dự án; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Cam kết thực hiện đúng thỏa thuận đổ thải với người dân có xác nhận với người dân địa phương. Cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bãi đổ thải. Không thay đổi mục đích sử dụng đất sau khi đóng bãi thải.

- Đảm bảo tuân thủ theo đúng Phương án nổ mìn do cơ quan chức năng phê duyệt theo Phụ lục VI - Nội dung phương án nổ mìn ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BTC ngày 15/6/2018 của Bộ Công thương. Chủ đầu tư thuê đơn vị có chuyên môn để thực hiện nội dung này.

- Đảm bảo tính chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, các vấn đề về môi trường và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. Trường hợp gây ô nhiễm môi trường và gây ra sự cố môi trường chủ dự án phải thống kê và bồi thường thiệt hại theo quy định./.